

MAI MỰC

DUỐC ĐIỀN VIỆT NAM VI

có một rãnh dọc, phần dưới mọc ra mầm non và rễ con, mầm non dài dạng mũi mác, dài 0,5 cm với vài sợi rễ nhỏ cong queo. Chất cứng, mặt bẻ gãy màu trắng có tinh bột. Không mùi, vị hơi ngọt.

Ghi chú: Hạt lúa mạch đã nảy mầm, có mầm đều, khô chắc, không mọc một là loại tốt. Không dùng Mạch nha còn cả vỏ, không có mầm.

Bột

Bột màu trắng xám. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Hạt tinh bột đơn, gần tròn, đường kính dao động từ 3 µm đến 60 µm, rốn hình chữ V hay có dạng rãnh. Mảnh biểu bì ngoài của vỏ trấu và mày trên bề mặt có các tế bào dài được xếp xen kẽ với hai tế bào ngắn. Các lông che chở của hạt thường mảnh, hầu hết bị gãy. Lông che chở của biểu bì vỏ trấu với thành khá dày. Lông che chở của vảy lá có hình nón, với thành hơi dày.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen - cloroform - ethyl acetat* (10 : 10 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu vào bình nón 100 ml, thêm 30 ml *ethanol* (TT), siêu âm trong 40 min, lọc. Thêm vào dịch lọc 1,5 ml *dung dịch kali hydroxyd 50 %* (TT), đun hồi lưu trong cách thủy 15 min, làm nguội bằng cách để trong cách thủy đá 5 min. Chuyển vào một bình chiết, rửa bình nón 2 lần mỗi lần với 20 ml nước và gộp nước rửa vào bình chiết. Chiết với *ether dầu hòa* (30 °C đến 60 °C) (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ether dầu hòa, để bay hơi đến khô. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethyl acetat* (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 5 g bột Mạch nha (mẫu chuẩn). Tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun *dung dịch acid nitric 15 % trong ethanol* (TT). Sấy ở 100 °C đến khi xuất hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Tỷ lệ mọc mầm

Lấy 10 g hạt lúa đại mạch (theo phương pháp lấy mẫu dược liệu, Phụ lục 12.1), chia làm 2 phần. Mỗi phần trải trên một nửa bề mặt phẳng, có đường ngăn chéo. Đếm số hạt mọc mầm trên tổng số hạt đem thử, tính ra tỷ lệ phần trăm số hạt mọc mầm. Tỷ lệ mọc mầm của dược liệu không được dưới 85 %.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Mạch nha sao: Cho Mạch nha vào chảo, đun lửa vừa phải, đảo đều đến khi bốc mùi thơm, có màu nâu. Lấy ra để nguội, bỏ vỏ bằng cách sàng sảy. Mạch nha sao vàng có tác dụng hành khí tiêu thực, hồi sữa (làm mất sữa).

Mạch nha thán sao: Cho Mạch nha vào chảo, cho lửa lớn hơn khi sao vàng, đảo đều đến khi mạch nha cháy sém. Lấy ra để nguội, bỏ vỏ bằng cách sàng sảy. Mạch nha thán sao có tác dụng tiêu thực hóa trệ.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát, trong bao bì kín, tránh mốc, mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc. Nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tỳ, vị.

Công năng, chủ trị

Hành khí tiêu thực, kiện tỳ khai vị, làm hết sữa. Chủ trị: Thực tích không tiêu hóa. Vùng thượng vị đầy tức, trướng đau. Tỳ hư ăn kém, sữa uất tích lại căng vú đau (dùng cai sữa).

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 8 g đến 16 g. Làm mất sữa: 60 g. Dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai, đang cho con bú không dùng.

MAI MỰC

Sepiae Os

Ô tặc cốt

Mai rửa sạch được làm khô của con Cá mực (*Sepia esculenta* Hoyle), họ Mực nang (Sepiidae). Mực bắt về bóc lấy mai (vỏ cứng bên ngoài), ngâm nước gạo hai ngày một đêm để giảm bớt chất mặn, hàng ngày thay nước. Rửa sạch. Luộc kỹ để tiết trùng, loại bỏ tạp chất, phơi khô. Không được sấy vì dễ chuyển thành màu vàng không tốt.

Mô tả

Mai mực hình bầu dục dài 13 cm đến 23 cm, rộng 6,5 cm đến 8 cm và dẹt, mép mỏng. Lưng cứng, màu trắng hay trắng ngà, hai bên có rìa màu vàng đậm hơn. Trên mặt lưng có u hạt nổi lên, xếp thành những đường vân hình chữ U mờ. Mặt bụng màu trắng, xốp, có những đường vân ngang nhỏ, dày đặc, tựa như những làn sóng gợn, có 1 rãnh dọc nông ở giữa mặt bụng. Mép như sừng của phần đuôi mở rộng dần và uốn cong về phía bụng, tận cùng phần đuôi có gai như chất xương, thường bị gãy và rơi rụng. Trừ phần lưng và mép bụng, có thể chất cứng, còn toàn bộ mai mực có thể dùng móng tay nghiền dễ dàng thành bột mịn. Vị hơi mặn và chất. Mùi hơi tanh.

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

MẠN KINH TỬ

Ghi chú: Loại mai mực có màu trắng, xốp, còn nguyên mai, màu trắng nhẹ, không vụn nát, không đen, không có màu vàng là loại tốt. Loại mực chết dạt vào bãi biển cấm nhặt về lấy mai để dùng.

Bột

Phần nhiều màu trắng, mùi hơi tanh, vị mặn. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Những mảnh vỡ của lớp sừng không đều, thường có hình tứ giác, bề mặt có hình vân lưới đan xen với các vết nứt ngang và các đường dọc nhỏ trên bề mặt, đôi khi các mảnh chỉ có các đường dọc. Các mảnh đá vôi ở dưới dạng phiến mỏng, hình vuông hoặc không đều, có nhiều sọc mảnh hoặc phân nhánh ngoằn ngoèo.

Định tính

Lấy khoảng 0,5 bột dược liệu, thêm 10 ml *dung dịch acid hydrochloric 10 % (TT)*, sẽ có sủi bọt và tan gần hết.

Độ ẩm

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chế biến

Lấy mai mực khô, sao qua, tán bột.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, để nơi khô ráo, tránh mốc. Khi ô tặc cốt chuyển màu vàng phải bỏ đi, không dùng. Nên dùng trong 6 tháng sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, tính ôn. Vào các kinh vị, thận (có sách ghi vào kinh can).

Công năng, chủ trị

Thông huyết mạch, trừ hàn thấp, thu liễm, sáp tinh, chế toan. Chủ trị: Trị đau dạ dày do đa toan (dạ dày nhiều chất chua), bệnh nhân hay ợ chua lúc đói, viêm loét dạ dày, thổ huyết, nấc huyết, bế kinh, đới hạ, di tinh, hoạt tinh, âm nang lở ngứa.

Dùng ngoài: Tán bột thật mịn, rắc lên vết thương nhiều mủ chưa thu liễm.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g dạng thuốc bột. Thường phối hợp với một số vị thuốc khác điều trị chứng dạ dày đa toan, liều lượng theo yêu cầu của bài thuốc.

Dùng ngoài: Lượng bột thích hợp.

MẠN KINH TỬ

Vitex trifoliae Fructus

Quan âm biến, Quả quan âm

Quả chín được làm khô của cây Mạn kinh (*Vitex trifolia* L.) hay cây Mạn kinh lá đơn (*Vitex rotundifolia* L. f.), họ

Cỏ roi ngựa (Verbenaceae). Thu hoạch vào mùa thu, hái quả già chín, loại bỏ tạp chất, phơi hay sấy khô.

Mô tả

Quả hình cầu, đường kính 4 mm đến 6 mm, mặt ngoài màu xám đen hoặc nâu đen, phủ lông nhung màu xám nhạt như sương, có 4 rãnh dọc nông, đỉnh hơi lõm, đáy có đài tồn tại màu xám nhạt và cuống quả ngắn. Lá đài bao bọc 1/3 đến 2/3 quả, có 5 răng, trong đó có 2 răng xẻ tương đối sâu, được phủ kín lông tơ mượt. Chết nhẹ và cứng, khó đập vỡ. Mặt cắt ngang quả có 4 ô, mỗi ô có một hạt. Mùi thơm đặc biệt, vị nhạt, hơi cay.

Ghi chú: Loại quả già nhỏ bằng hạt tiêu, khô cứng chắc, vỏ dày màu xám đen, có mùi thơm đặc biệt, không lẫn tạp chất, không mốc mọt là loại tốt. Quả non xốp, không có mùi thơm không nên dùng.

Vi phẫu

Vỏ quả ngoài gồm 2 lớp: Biểu bì và hạ bì. Biểu bì có 1 lớp cutin khá dày, rải rác có lông tiết hình cầu. Hạ bì gồm các tế bào dài, dẹt, thành cũng tương đối dày.

Vỏ quả giữa: Phía ngoài tế bào không đều, hình nhiều cạnh, bầu dục hoặc tròn, thành mỏng; phía trong tế bào dài xếp dọc, thành dày hơn.

Vỏ quả trong: Cấu tạo bởi tế bào mô cứng hình chữ nhật hoặc bầu dục, thành rất dày, cang vào phía trong thành tế bào cang dày.

Vỏ hạt cấu tạo bởi 1 đến 2 lớp tế bào hình mạng. Nội nhũ gồm 1 đến 4 lớp tế bào hình bầu dục, trong có những hạt lớn nhon.

Bột

Màu nâu xám, tế bào biểu bì của lá đài hình hơi tròn, thành tế bào thường lượn sóng. Lông che chở có 2 đến 3 tế bào, tế bào ở đỉnh lớn hơn, có hình bươu. Tế bào vỏ quả ngoài hình nhiều cạnh, có đường vân kẻ của cutin và vết tích lông đã rụng, có lông tiết và lông che chở. Lông tiết có 2 loại, loại lông đơn bào ở đầu và 1 đến 2 tế bào ở chân và loại lông có 2 đến 6 tế bào ở đầu và 1 tế bào ở chân. Lông che chở có 2 đến 4 tế bào, dài 14 µm đến 68 µm, thường cong thành núm lồi. Tế bào vỏ quả giữa hình hơi tròn hay bầu dục, thành hơi hóa gỗ, có lỗ rõ. Tế bào tiết thường bị vỡ, có chứa các chất tiết, tế bào kề bên chứa giọt dầu màu vàng nhạt. Tế bào mô cứng của vỏ quả trong hình bầu dục hay hình vuông, đường kính 10 µm đến 35 µm. Tế bào vỏ hạt hình tròn hoặc hơi tròn, đường kính 35 µm đến 42 µm, thành có vân lưới, hóa gỗ.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - ethyl acetat (8 : 2).

Dung dịch thử: Cát tinh dầu từ 40 g dược liệu bằng phương pháp cất kéo bằng hơi nước. Pha một giọt tinh dầu trong 1 ml ether dầu hỏa (30 °C đến 60 °C) (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Cát tinh dầu từ 40 g Mạn kinh tử (mẫu chuẩn) bằng phương pháp cất kéo bằng hơi